

## CÁC CHIỀU KÍCH CỦA TÍNH TÔN GIÁO

NGUYỄN XUÂN NGHĨA<sup>\*</sup>

### Vấn đề và khái niệm

Trong một cuộc tọa đàm khoa học gần đây tại Thành phố Hồ Chí Minh, các nhà nghiên cứu đã trao đổi, tranh luận thế nào là “tôn giáo tính”, có hay không tôn giáo tính ở con người. Trước sự bùng nổ của các “khoa học huyền bí” (parasciences) trong các xã hội hiện đại, J. Maitre đã sử dụng thuật ngữ “tính tôn giáo không tin vào Thượng Đế” (religiosité sans Dieu) để mô tả hiện tượng này, hay ông sử dụng “tính tôn giáo dân gian” (religiosité populaire), để chỉ hiện tượng mà các tác giả Việt Nam thường gọi là tín ngưỡng dân gian. Như vậy, tính tôn giáo được hiểu là một khía cạnh nào đó không chỉ của tôn giáo mà còn của niềm tin, tín ngưỡng.

Trong bài viết này, chúng tôi cũng dùng thuật ngữ “tính tôn giáo” – nhưng dưới góc độ xã hội học, cùng nghĩa với từ *religiosity* trong tiếng Anh hay *religiosité* trong tiếng Pháp, nhưng không sử dụng trong ý nghĩa một số tác giả nghiên cứu triết học, thần học hay tâm lý học có thể sử dụng, ví như: *Tôn giáo tính với cùng nghĩa với từ religiosité trong tiếng Pháp - tức là tình cảm tôn giáo, là sự sùng tín tôn giáo. Tôn giáo tính là một bản tính của con người, vốn có trong cấu trúc tâm lý của mỗi cá nhân, giống như cảm tính, lí tính và những thuộc tính bẩm sinh khác. Đó là một bản năng nội*

*tại của con người, không có gì có thể loại bỏ nó, bởi nếu loại bỏ nó thì bản chất con người sẽ thay đổi. Tôn giáo tính là một phần của nhân tính, cũng giống như tình yêu, tình thương là những cái cần có cho sự cân bằng nội tại cả về sinh lí và tâm lí cho mỗi con người.* Chúng tôi không muốn đi vào cuộc tranh luận, mà theo chúng tôi khó có thể có giải đáp, có hay không có “tôn giáo tính”. Sự bế tắc này cũng đã thể hiện trong các cuộc tranh luận trước đây về con người tính thiện hay tính ác, bản chất con người là “nhân chi sơ tính bản thiện” (Khổng Tử) hay bản chất con người là “Bạt nhất mao nhi lợi thiên hạ, bất vi dã” (Dương Chu) hay “Con người là chó sói của con người” (“Homo homini lupus”, Hobbes).

Bài viết này chỉ đặt vấn đề, dựa trên những dấu hiệu, chỉ báo nào để xác định một người có tín ngưỡng, tôn giáo hay không có tín ngưỡng, tôn giáo và ở những mức độ nào. Nếu chỉ dựa trên danh nghĩa công khai một cá nhân tự nhận - là tín đồ Phật giáo, là Công giáo, là Cao Đài, Hoà Hảo, thờ ông bà hay không tôn giáo... thì không hoàn toàn phản ánh thực tế đa dạng. Trước những khó khăn này, các nhà nghiên cứu đưa ra khái niệm “tính tôn giáo” nhằm giúp giải quyết phần nào khó khăn nêu trên.

\*. TS. Trường Đại học Mở bán công, Thành phố Hồ Chí Minh

Từ lâu, trong giới khoa học xã hội có một sự đồng thuận rằng, mức độ gắn bó với tôn giáo (tính tôn giáo) thay đổi ở từng tín đồ cho dù họ cùng thuộc một tôn giáo hay tín ngưỡng. Lấy thí dụ, cùng là người Công giáo nhưng những người Công giáo cánh tả Pháp có lí tưởng đấu tranh xã hội gắn gũi với những người Cộng sản không tôn giáo hơn là những người Công giáo cực đoan cánh hữu (như Le Pen). Như vậy, cần xem xét tôn giáo bao gồm những khía cạnh, chiều kích nào để xác định mức độ cam kết, gắn bó của một cá nhân đối với tôn giáo.

Nhưng khó khăn khi bàn đến tính tôn giáo vẫn nằm trong khó khăn chung của nghiên cứu tôn giáo, khi phải xác định định nghĩa về tôn giáo và khi phải mô tả thế nào là một người có hay không có tôn giáo.

Chúng ta cũng không đi sâu hoặc trở lại định nghĩa về tôn giáo, vì vấn đề này đã làm tốn rất nhiều giấy mực, nhưng vẫn chưa đưa ra một giải pháp thoả đáng. Nhưng nếu xem tôn giáo như là một chiến lược nhận thức, một cách thể hiện các ứng xử lễ nghi, một hình thức biểu hiện tín ngưỡng, là sự lí giải một nhu cầu cơ bản trong việc khám phá và thể nghiệm những “thế giới” siêu thực nghiệm và cuối cùng là một cơ chế xác định “căn cước xã hội”, bản sắc xã hội, thì tính tôn giáo được xem như là biểu hiện những hình thức cụ thể, có thể khảo sát thực nghiệm qua đó các tác nhân - tập thể hay cá nhân - biểu hiện chính những chiều kích của tính tôn giáo.

Trước đây, khi nói đến khái niệm tính tôn giáo theo ý nghĩa vừa nêu, người ta vẫn cho rằng, C.Glock và các đồng nghiệp đã là những người đầu tiên đề cập đến khái niệm này một cách hệ thống. Nhưng trước đó phải kể đến Yoshio Fukuyama

(1961) và Gerhard Lenski. G. Lenski, trong tác phẩm *Nhân tố tôn giáo* (1961), khi phân tích những biến đổi trong các định hướng về những vấn đề kinh tế, chính trị, đã cho thấy những khác biệt giữa người Do Thái, Tin Lành và Công giáo xét theo những loại hình ảnh hưởng khác nhau về các chiều kích của tính tôn giáo. Ông xác định các chiều kích này như sau: chiều kích chính thống (hay tín ngưỡng), chiều kích liên kết (association) (hoặc là tham gia tôn giáo), chiều kích sùng đạo (devotion- ví như việc cầu nguyện) và chiều kích cộng đồng (mức độ phân biệt giữa các nhóm tôn giáo).

### **Quan điểm cổ điển của Charles Glock**

Có thể khẳng định, công trình có tính hệ thống nhất bàn đến các khía cạnh của tính tôn giáo là công trình dưới sự hướng dẫn của Charles Glock (1965). C. Glock và các đồng nghiệp của ông đưa ra lối tiếp cận đa chiều kích 5-D (5 dimensions, 5 chiều kích) về tính tôn giáo: chiều kích hệ tư tưởng, lễ thức, ảnh hưởng xã hội, kinh nghiệm và tri thức. Chiều kích hệ tư tưởng liên quan đến mức độ tin vào một lí thuyết tôn giáo của một cá nhân. Chiều kích lễ thức liên quan đến sự thực hành các lễ thức của tôn giáo (đi chùa, đi nhà thờ, quy y, rửa tội ...). Chiều kích ảnh hưởng của tôn giáo thể hiện qua thái độ, ứng xử hàng ngày của cá nhân (bố thí, làm công tác từ thiện...). Chiều kích kinh nghiệm cảm xúc nhằm chỉ sức mạnh của các mối quan hệ cảm xúc của một cá nhân đối với tôn giáo. Và chiều kích tri thức liên quan đến những hiểu biết của cá nhân về lịch sử, các sự kiện, quan điểm, học thuyết của một tôn giáo cụ thể và còn liên quan đến cả nhận thức, kinh nghiệm của cá nhân về thực thể tối hậu.

Từ quan điểm của C. Glock, một số tác giả - như Acquiviva - đưa ra những biến thể khác, như chiều kích sự quy thuộc (có

thể đặt vào chiều kích thực hành lễ thức). Và sự quy thuộc này trong thế giới ngày nay cũng có thể mang nhiều hình thức: tham gia (hay quy thuộc) với tính chiến đấu (PAM – participation avec militance), tham gia nhưng không có tính chiến đấu (PSM – participation sans militance) hay có tính chiến đấu nhưng không quy thuộc (MSP – militance sans participation) – đây là hình thức rất hiếm, nhưng vẫn tồn tại, có những cá nhân đấu tranh cho những giá trị của tôn giáo, nhưng không thấy có nhu cầu thuộc về một tổ chức tôn giáo nào.

L luận điểm cơ bản về năm chiều kích này cho rằng, các chiều kích này có tương quan, nhưng chúng cũng có thể biến đổi tương đối độc lập. Lấy thí dụ, có tín đồ tin vào các tín điều của tôn giáo (chiều kích hệ tư tưởng) nhưng có thể không đi nhà thờ thường xuyên (chiều kích lễ thức). Hoặc có người tin vào tính không sai lầm của Kinh Thánh (chiều kích hệ tư tưởng) nhưng không bao giờ đọc Kinh Thánh, không có kiến thức về Kinh Thánh (chiều kích tri thức).

Lỗi tiếp cận về các chiều kích của tính tôn giáo đặc biệt phù hợp với quan điểm chức năng luận về tôn giáo, vì quan điểm này cho rằng, tôn giáo đáp ứng những nhu cầu khác nhau của những cá nhân cụ thể; nó cũng phù hợp với lý thuyết tước đoạt về tôn giáo (deprivation theory) cho rằng con người hướng về “siêu nhiên” để đáp ứng những nhu cầu mà họ không tìm thấy một cách thích đáng ở thế giới này.

Lỗi tiếp cận các chiều kích của tính tôn giáo bị phê bình chỉ phản ánh quan điểm về tính tôn giáo kiểu giáo hội (type-église) của môi trường xã hội phương Tây là nơi các tác giả chủ trương đã sinh ra và lớn lên. Lỗi tiếp cận này không những không giải

thích được tính tôn giáo ở những nền văn hoá khác như Á Đông, mà ngay cả ở phương Tây ngày nay xuất hiện nhiều hình thức tôn giáo “ở bên ngoài” kiểu giáo hội.

Lỗi tiếp cận này còn phiến diện vì có tôn giáo, trong thực hành, chủ yếu chỉ nhấn mạnh một khía cạnh nào đó, ví như Công giáo nhấn mạnh việc tham dự thánh lễ; Do Thái giáo không tin vào điều gì cả mà chỉ nhấn mạnh lễ luật. Một nhận xét có thể đưa ra với quan điểm của C. Glock, phải chăng tôn giáo chỉ bao gồm năm chiều kích kể trên. Và trong năm chiều kích kể trên có chiều kích mang tính cơ bản, có chiều kích chỉ là thứ yếu. Nhiều nhà xã hội học như Fukuyama cho rằng, sự quy thuộc tôn giáo thực ra không phải là yếu tố cấu thành của tôn giáo. Tác giả Richard Clayton sử dụng kỹ thuật phân tích nhân tố (factor analysis) trong thống kê cho thấy yếu tố niềm tin nằm bên dưới các yếu tố khác, hay nói cách khác, đây là khía cạnh cơ bản. Theo các nhà nghiên cứu Dejong, Faulkner (1966), có một nhân tố chung kết hợp một số chiều kích của tính tôn giáo đó là lòng tin- kinh nghiệm- thực hành lễ thức. Sau này, Glock (1988) cũng nói rộng khái niệm niềm tin này không chỉ bao gồm những tín điều tôn giáo mà niềm tin “thế giới vận hành như thế nào”. Cho đến nay, chưa có lý thuyết lý giải các cá nhân đã phát triển những hệ thống niềm tin như thế nào về cách thức thế giới vận hành, tại sao có những niềm tin quy chiếu về “siêu tự nhiên”, có niềm tin không, có hệ thống niềm tin siêu tự nhiên đòi hỏi phải có những biểu hiện công khai (như đi nhà thờ), có hệ thống không đòi hỏi như vậy.

Tôn giáo nói chung, và tôn giáo ở các xã hội phương Tây đang trải qua những biến đổi rất sâu sắc. Trước hiện tượng

trên, các nhà xã hội học phương Tây đang đi tìm những khung lý thuyết mới để lý giải những hiện tượng mới mẻ này.

### **Mô hình lý thuyết mới của D. Hervieu-Léger**

Qua việc nghiên cứu các hiện tượng tôn giáo trong những thập niên gần đây ở Pháp và Châu Âu, đặc biệt là trong giới thanh niên, D. Hervieu-Léger đã đưa ra giả thiết là quá trình xác định căn tính tôn giáo trong các xã hội hiện đại diễn ra qua việc phối hợp tự do giữa các chiều kích tôn giáo sau đây khi mà các cơ chế chính thống ngày càng giảm đi vai trò.

1. Chiều kích cộng đồng: là toàn bộ những dấu hiệu xã hội và biểu trưng xác định ranh giới của một nhóm tôn giáo và cho phép phân biệt với người thuộc những nhóm khác. Chiều kích này liên quan đến những xác định hình thức và thực hành của các quy thuộc, ví như cắt da quy đầu, rửa tội, thực hành năm điều bắt buộc của Islam giáo, quy y của Phật giáo...hay theo bất cứ ràng buộc nào để được nhận là tín đồ của một tôn giáo. Những ràng buộc này dễ dãi hay khắt khe tùy thuộc loại hình "giáo hội" hay "giáo phái".

2. Chiều kích đạo đức, có nghĩa là cá nhân chấp nhận những giá trị gắn liền với thông điệp của tôn giáo được chuyển tải bởi một truyền thống cụ thể. Chiều kích đạo đức càng lúc càng tách biệt với chiều kích cộng đồng nêu trên. Các giá trị của thông điệp thường có tính phổ quát, do đó không cần thiết phải gắn với một cộng đồng tín đồ nhất định. Lấy thí dụ, Kinh Thánh thể hiện rõ một giá trị đạo đức về tình yêu mà tín đồ có thể tuân theo không nhất thiết phải thuộc về một Giáo hội Công giáo nhất định.

3. Chiều kích thứ ba là chiều kích văn hoá. Nó bao gồm toàn bộ những yếu tố nhận thức, biểu tượng và thực hành cấu

tạo thành gia sản của một truyền thống nhất định: chủ thuyết, kinh sách, tri thức và những giải thích liên quan, những thực hành và các quy tắc lễ nghi, lịch sử - cả hiện thực và huyền thoại - của nhóm, các biểu trưng và hình thái tư duy kết tinh trong các thực hành của cộng đồng, những tập quán ẩm thực, ăn mặc, tình dục, trị liệu ...kết hợp với hệ thống các tín ngưỡng, nghệ thuật, các sản phẩm mỹ học, các tri thức khoa học được phát triển trong mối liên kết với những niềm tin này. Chiều kích văn hoá có thể được sở đắc như là một "tài sản văn hoá chung" mà không nhất thiết cá nhân phải thuộc về hệ thống những niềm tin đã sản sinh ra gia sản tri thức và biểu tượng đó. Quy chiếu về gia sản văn hoá này tạo nên một nét bản sắc nhưng không còn bao gồm đương sự vào một nhóm tôn giáo nhất định và cũng không đòi hỏi phải có những chọn lựa hay ứng xử đạo đức nhất định (ví dụ thanh niên ngày nay mang các biểu tượng tôn giáo).

4) Chiều kích thứ tư là chiều kích cảm xúc, liên quan đến kinh nghiệm cảm xúc về bản thể: cái tình cảm "hoà các ý thức", "cảm xúc về những chiều sâu", theo thuật ngữ của E. Durkheim. Trong các xã hội hiện đại, điểm mới là kinh nghiệm nóng hổi này sản sinh ra tình cảm tập thể càng ngày càng không còn là kết quả của việc thuộc về một cộng đồng. Trước đây, tình cảm này được kích hoạt qua các chu kỳ lễ nghi. Ngày nay, đặc biệt là ở giới trẻ, kinh nghiệm này thường thể hiện ở những thời điểm của cộng đồng tập thể. Ví dụ những tập hợp đông đảo thanh niên Kitô giáo, các cuộc gặp gỡ của cộng đồng Taizé.

Các chiều kích này có thể mâu thuẫn nhau, đặc biệt là giữa chiều kích cộng đồng và chiều kích đạo đức, giữa chiều kích văn hoá và chiều kích cảm xúc. Khi

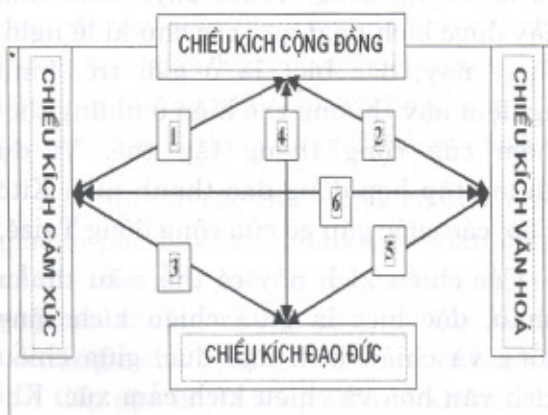
có những mâu thuẫn này, chính định chế tôn giáo sẽ điều hoà những mâu thuẫn. Nhưng vấn đề gì sẽ xảy ra khi khả năng điều hoà của định chế bị đặt thành vấn đề do khả năng độc lập của cá nhân muốn từ chối những căn tính “chìa khoá trao tay” (xây dựng sẵn) mà chính tự mình kinh nghiệm, tự xây dựng quá trình hình thành căn tính.

Đây là khả năng “thoát ra khỏi các hình thức tôn giáo truyền thống” để rồi đi tìm, xây dựng một căn tính riêng hoặc là tự xem như là “không tôn giáo”.

Các chiều kích nêu trên cho phép hiểu những kịch bản của sự giải thể của những căn tính tôn giáo, đồng thời cũng cho thấy việc tái cấu trúc lại của các căn tính trên theo những kịch bản khác.

Với bốn chiều kích nêu trên sẽ hình thành một số hình thái cấu thành bản sắc tôn giáo khi có hai chiều kích liên kết với nhau tạo nên một trục chính còn các chiều kích khác sẽ quay quanh.

D. Hervieu-Léger đã ứng dụng sự kết hợp các chiều kích nêu trên để đưa ra loại hình hoá các hình thái của quá trình hình thành bản thể tôn giáo ở thanh niên Công giáo Pháp. Nhưng chúng ta cũng có thể thấy rằng, sự phân loại này nếu được ứng dụng một cách thích hợp, có thể áp dụng cho các tôn giáo nói chung:



1. Loại hình tôn giáo tình cảm: loại hình này kết hợp hai chiều kích cảm xúc và cộng đồng, khi cá nhân cảm nhận mình thuộc về một tôn giáo nào đó do cảm xúc khi sống trong một cộng đồng, “sự hoà lẫn các ý thức” theo thuật ngữ của E. Durkheim. Nhóm những người có cảm thức tôn giáo loại này có thể là những tín đồ xác tín, nhưng cũng có người chỉ tham gia để chia sẻ với người khác một biến cố có một không hai, tìm sự sôi nổi, cuồng nhiệt, chỉ cảm thấy mình là tín đồ qua những biến cố lớn, nhưng cảm nhận này ở một số người rất chóng qua.

2. Loại hình cảm thức về tôn giáo như một gia sản (patrimonial): cảm thức này liên kết ý thức thuộc về một cộng đồng và ý thức sở hữu một tài sản văn hoá, cho phép cảm thấy mình là kẻ “kế thừa” khác hẳn những “kẻ khác”. Như trường hợp các trào lưu tân bảo thủ ở Pháp, muốn liên kết căn tính tôn giáo với căn tính dân tộc. Như một số khuynh hướng tôn giáo (như ở Ba Lan và nhiều nước khác hay cả ở Việt Nam) cho rằng chỉ có tôn giáo mình là có tính dân tộc. Những người có cảm thức này không đặt trọng tâm vào chiều kích đạo đức mà muốn đi tìm lại một bản sắc xã hội và văn hoá.

3. Loại hình tôn giáo nhân đạo (humanitaire): cảm thức này là do gặp gỡ của hai chiều kích đạo đức và cảm xúc. Cảm thức này xuất phát từ việc cảm nhận những bất công của một thế giới sản sinh ra càng ngày càng đông những kẻ bị loại trừ và do đó kêu gọi lòng bác ái tích cực của những cá nhân. Có nhiều cá nhân có mối liên hệ với tôn giáo là do khía cạnh này. Họ muốn có những hành động cụ thể giúp đỡ con người hơn là những tranh luận về hệ ý thức, và chính

qua hành động mà những giá trị tôn giáo (từ bi, bác ái) được thực hiện. Cũng chính vì vậy mà ở Việt Nam, các công tác từ thiện, nhân đạo thường được các tín đồ tôn giáo nhiệt liệt tham gia và họ cũng ít quan tâm những hình thức công tác đó do ai tổ chức.

4. Loại hình tôn giáo chính trị (politique) (tổ chức): loại hình này cũng có chiều kích đạo đức như loại hình vừa nêu ở trên, nhưng phối hợp với chiều kích cộng đồng. Các cá nhân thuộc loại hình này muốn đi vào xã hội với những tổ chức mang những giá trị có tính chiến đấu mà họ muốn bảo vệ, cổ vũ và thực hiện. Ví như các hoạt động của Thanh niên Phật tử, hay Thanh Lao Công ở miền Nam trước năm 1975. Nhưng hoạt động của họ chưa chắc đã phù hợp và đôi lúc có thể mâu thuẫn với quan niệm của cơ chế tự cho là chính thống.

5. Loại hình tôn giáo nhân bản (humaniste): là sự phối hợp chiều kích văn hoá và đạo đức. Loại hình này thường phổ biến ở những người có học, ở giới trí thức. Loại hình này mang đặc điểm tính cách cá nhân, có thể không cần những hình thức cộng đồng trung gian. Đối với những cá nhân thuộc loại hình tôn giáo này vấn đề quan trọng là những khía cạnh văn hoá và những giá trị phổ quát mà tôn giáo đề cao. Vấn đề quy thuộc một giáo hội, một tổ chức hay những niềm tin của tôn giáo chỉ ở bình diện thứ yếu. Như nhiều trường hợp trí thức Pháp tự nhận là "tín đồ vô thân"

(athée fidèle) - được hiểu là họ không quy thuộc vào một tổ chức giáo hội nhưng tin tưởng những giá trị văn hoá bắt nguồn từ một truyền thống tôn giáo. Nhiều tầng lớp sinh viên, những người tương đối có trình độ học vấn ở Châu Âu bị lôi cuốn bởi loại hình tôn giáo này.

6. Loại hình tôn giáo mỹ học (esthétique): lấy trực chính là hai chiều kích văn hoá và cảm xúc. Có những người đi đến tôn giáo là do yếu tố mỹ học này. Họ bị thu hút bởi những kiến trúc đền đài, nghệ thuật tôn giáo, bởi những cảm xúc trong những môi trường tôn giáo tĩnh lặng, uy nghiêm. Tại Pháp là tu viện và nhà thờ ở Mont-Saint-Michel; Ở Campuchia với Angkor Vat; Ở Việt Nam là các cuộc hành hương về chùa Hương (Hà Tây), chùa Phật Thầy Tây An (An Giang), các chùa với các sản phẩm nghệ thuật mang tính dân tộc độc đáo của người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long, các đền tháp Balamôn giáo của người Chăm ở Nam Trung Bộ, v.v...

Quan điểm năm chiều kích của tính tôn giáo ở C. Glock mặc dù có một số hạn chế, vẫn là khung lí thuyết thường được các nghiên cứu xã hội học tôn giáo ứng dụng. Trong khi mô hình mới về những chiều kích của tính tôn giáo và loại hình hoá độc đáo về sự phối hợp giữa những chiều kích mà D. Hervieu-Léger đưa ra, là nhằm nắm bắt, lĩnh hội được thực tại căn tính tôn giáo đang biến động, dịch chuyển trong thời đại ngày nay, nhất là trong các tầng lớp thanh niên./.